CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 4

Ngày 30/06/2025	259,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q2/25
14.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.37| 108%
YoY: ▼11.6| -44.9%

LN thuần
Q2/25
-0.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.25| -505%
YoY: ▼1.88| -112%

LN sau thuế
Q2/25
0.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03| -54.2%
YoY: ▼1.71| -98.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.3%
YoY: +/-▼ 2.9%

ROE (TTM)
Q2/25
0.5%
YoY: +/-▼ 18.9%

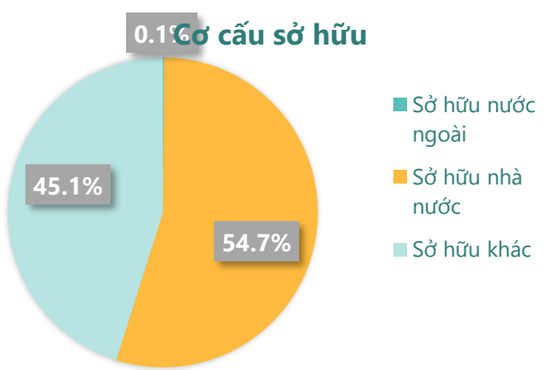
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	259,400 - 259,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	267
Số lượng CPLH (CP)	1,028,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	-
EPS	49
P/E	5264.8

DT thuần
6T 2025
21.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.0| -41.6%

LN thuần
6T 2025
-0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.47| -148%

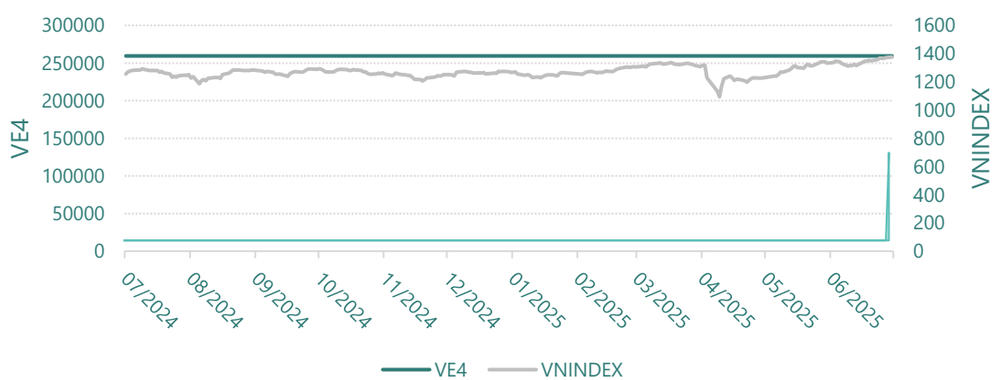
LN sau thuế
6T 2025
0.08
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.46| -84.5%

Cơ cấu sở hữu

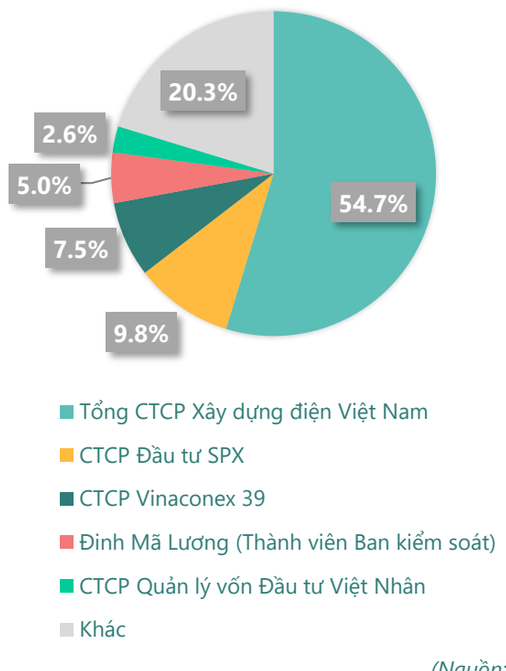


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



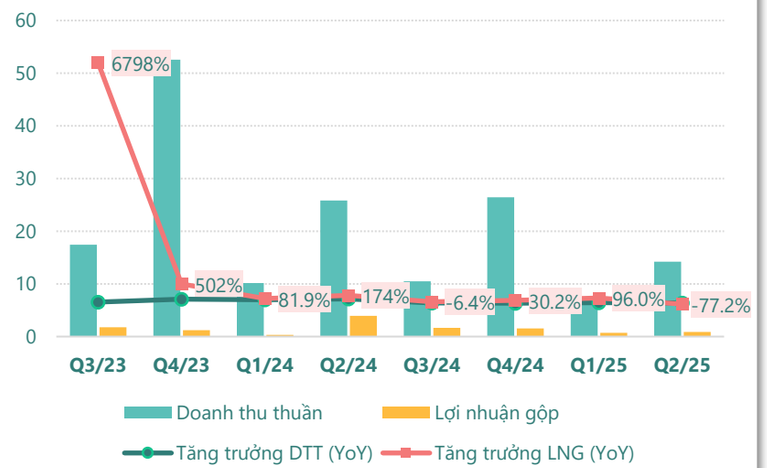
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

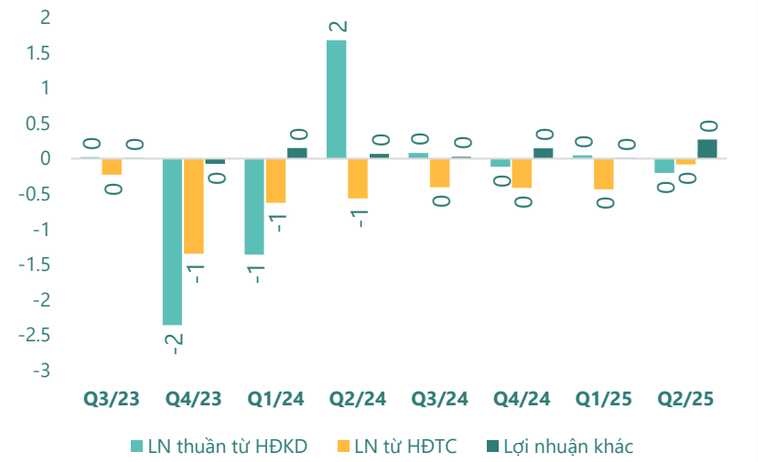
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



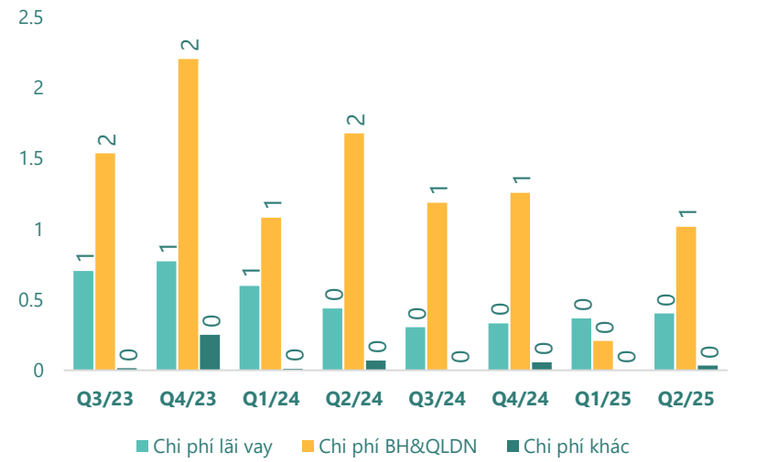
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



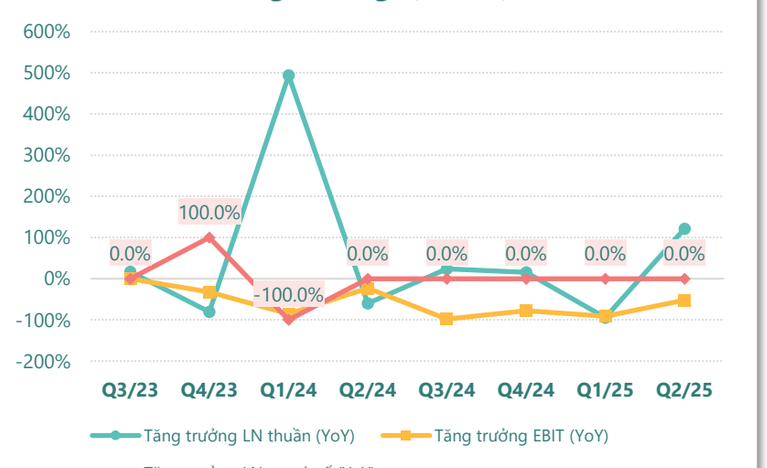
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



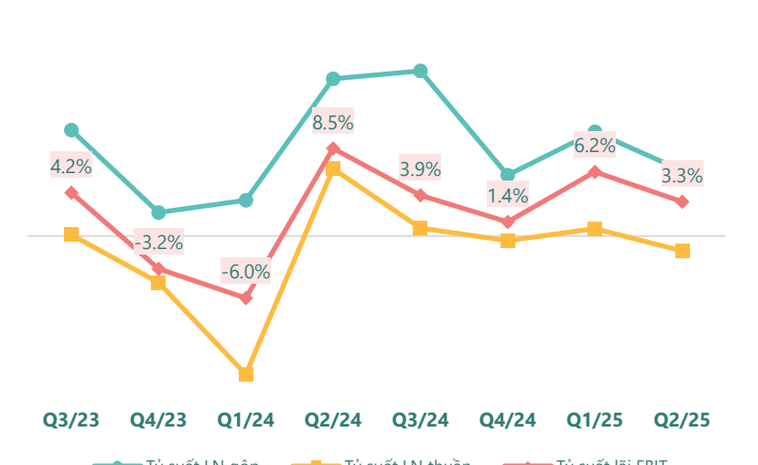
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



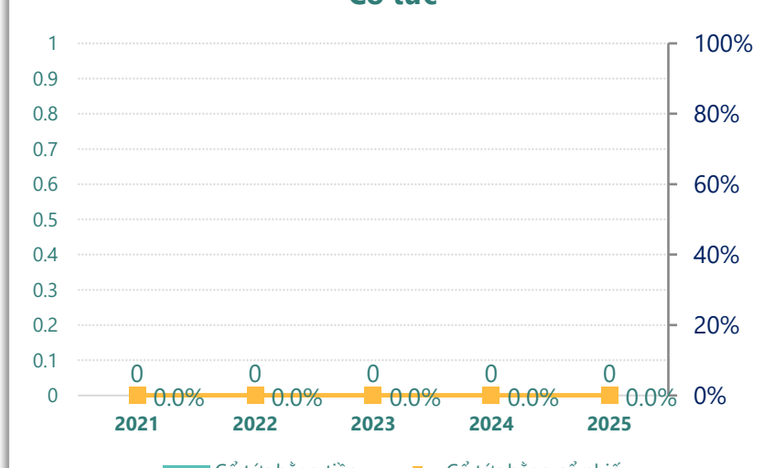
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

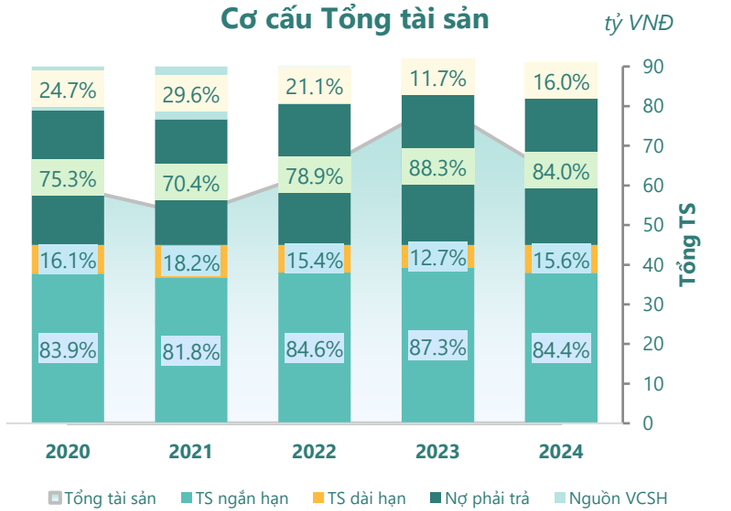
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

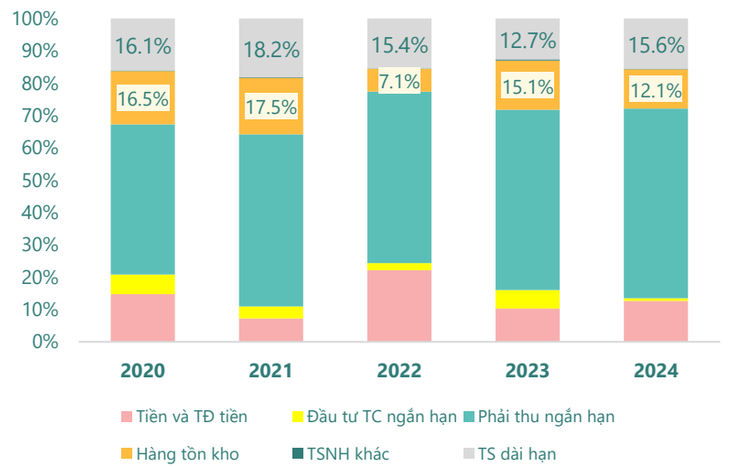
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



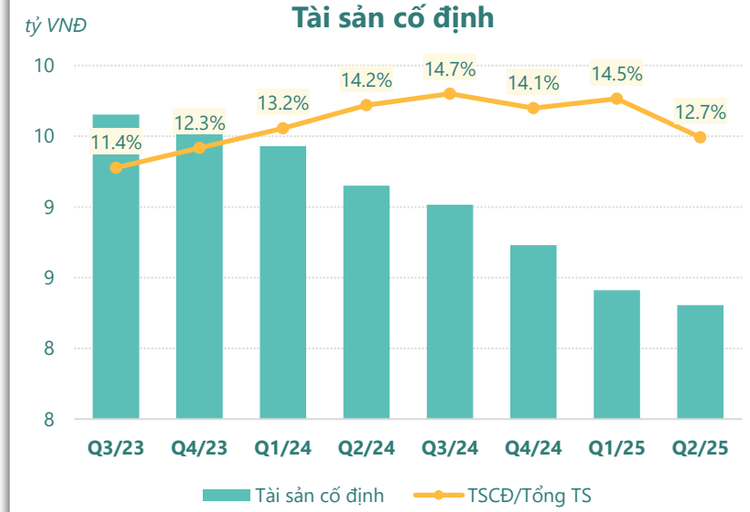
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



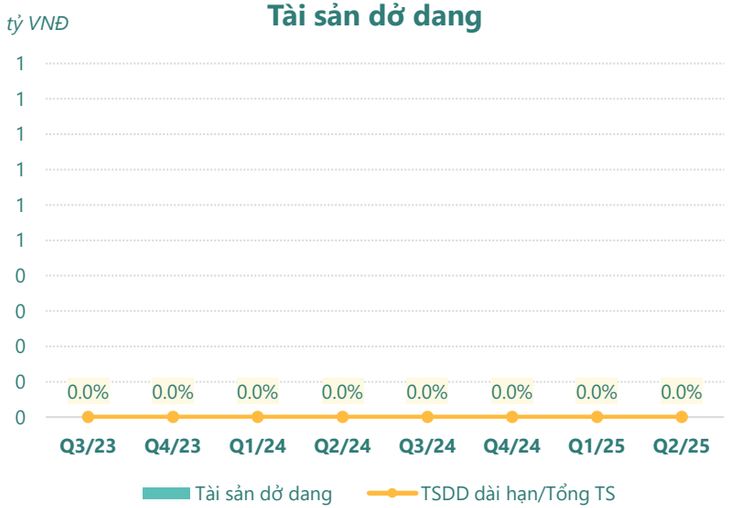
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



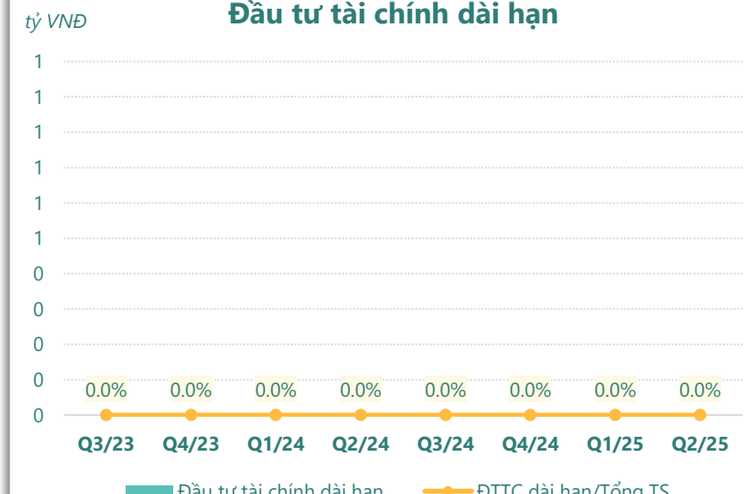
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



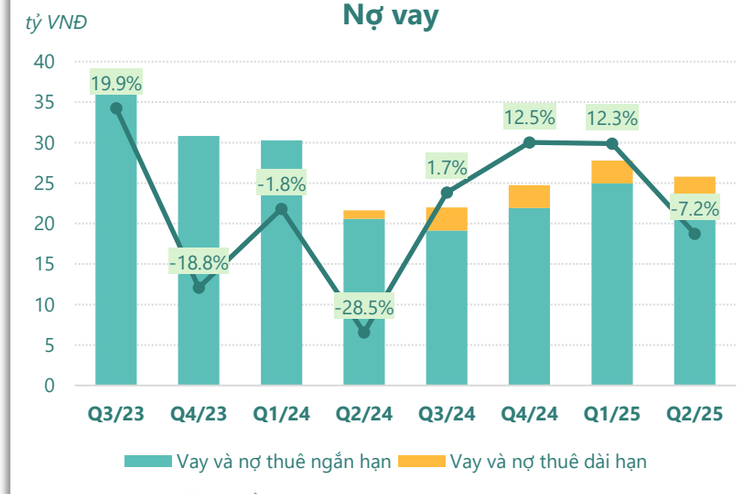
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

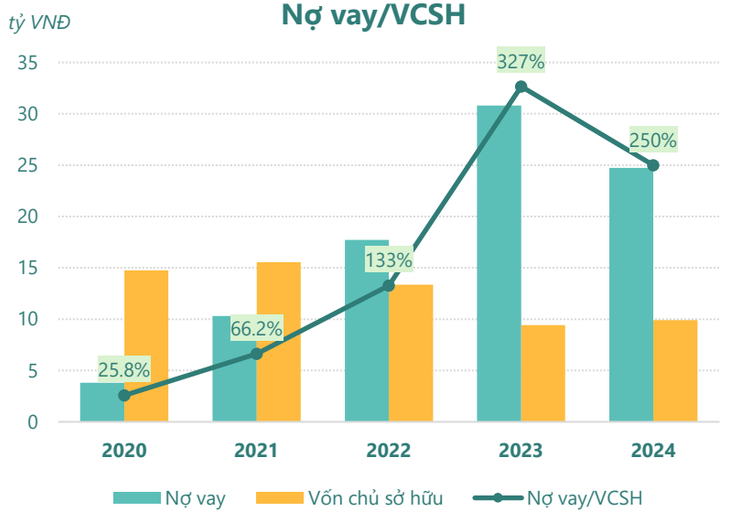
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

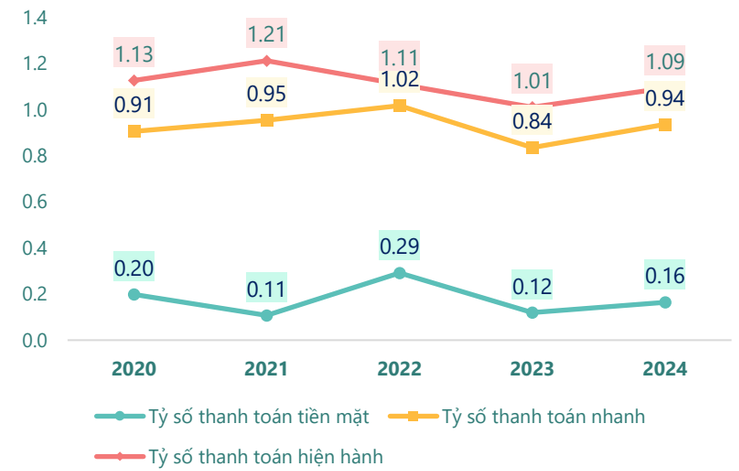
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



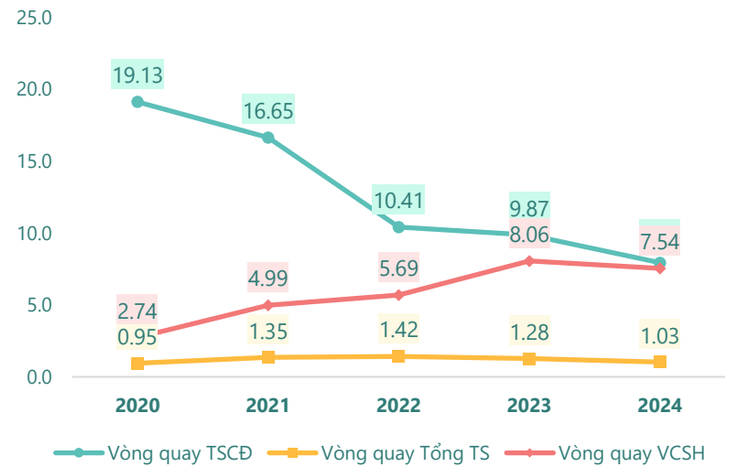
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



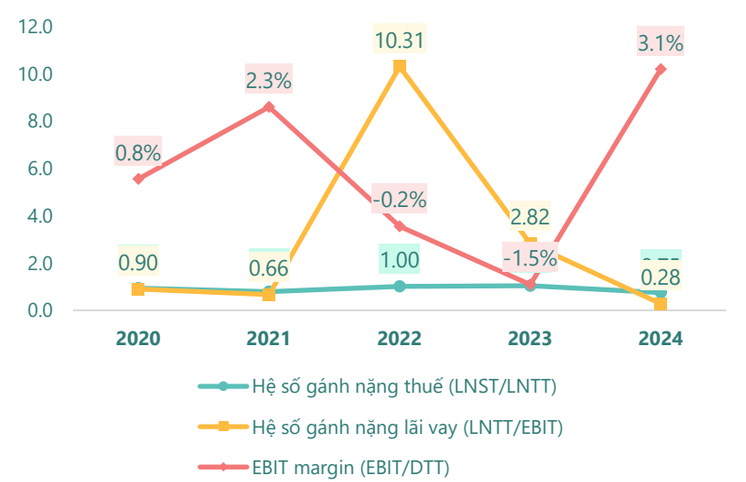
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



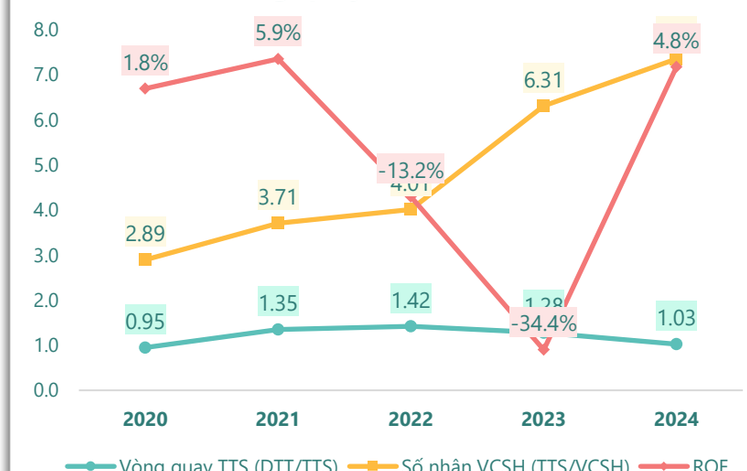
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



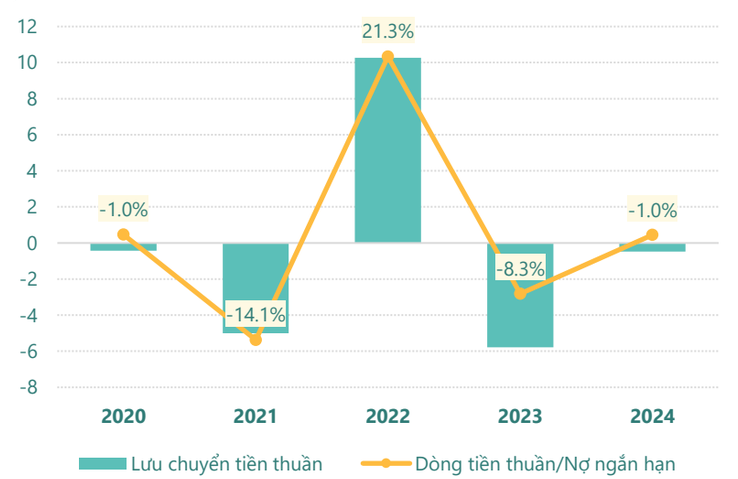
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**14.2**	**25.8**	**-44.9%**	**21.0**	**36.0**	**-41.6%**
Giá vốn hàng bán	13.3	21.9	-39.2%	19.5	31.7	-38.7%
Lợi nhuận gộp	0.90	3.92	-77.2%	1.58	4.27	-62.9%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.04	-49.0%	0.04	0.09	-53.6%
Chi phí TC	0.10	0.61	-83.4%	0.55	1.28	-56.7%
Chi phí lãi vay	0.40	0.44	-8.5%	0.77	1.04	-25.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.02**	**1.68**	**-39.4%**	**1.22**	**2.76**	**-55.6%**
LN thuần từ HĐKD	-0.20	1.68	-112%	-0.15	0.32	-148%
Lợi nhuận khác	**0.27**	**0.07**	**285%**	**0.28**	**0.22**	**27.7%**
LN trước thuế	0.07	1.74	-96.1%	0.12	0.54	-77.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.03**	**1.74**	**-98.4%**	**0.08**	**0.54**	**-84.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.03**	**1.74**	**-98.4%**	**0.08**	**0.54**	**-84.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.46	-2.40	-3.64	-0.43	-5.80	10.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.92	0.40	0.26	0.04	0.02	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.4	5.23	0.91	2.20	3.04	-2.00
Tiền đầu kỳ	8.29	5.24	8.46	6.00	7.81	5.08
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.05**	**3.22**	**-2.46**	**1.81**	**-2.73**	**8.06**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.24	8.46	6.00	7.81	5.08	13.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**65.1**	**61.8**	**5.5%**
Tài sản ngắn hạn	56.0	52.1	7.4%
Tiền và tương đương tiền	13.1	7.81	68.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.73	0.51	42.5%
Phải thu ngắn hạn	31.9	36.3	-12.0%
Hàng tồn kho	10.0	7.49	33.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.22	0.08	187%
Tài sản dài hạn	**9.13**	**9.61**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0.24	0.24	0.0%
Tài sản cố định	8.31	8.70	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.58**	**0.66**	**-13.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	55.2	51.9	6.4%
Nợ ngắn hạn	**51.4**	**47.7**	**7.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.0	21.9	5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.5	12.8	13.1%
Nợ dài hạn	3.79	4.18	-9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.75	2.84	-3.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9.99**	**9.90**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**9.99**	**9.90**	**0.8%**
Vốn điều lệ	10.3	10.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)